

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2021/HS - PT**
Ngày: 21 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HB

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Việt Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh HB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HB tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh HB xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2021/TLPT- HS, ngày 14/6/2021 đối với bị cáo Hg Thị HY, Trần Thị TĐ. Do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị HY, Trần Thị TĐ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2021/HS - ST, ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HB, tỉnh HB.

- Bị cáo kháng cáo: Hg Thị HY; sinh ngày: 09/9/1998; tại HP; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 6, xã LX, h TN, TP HP; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Hoàng Văn P, sinh năm: 1974 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1979; bị cáo có chồng là Trương Minh L sinh năm 1994, bị cáo có 01 con sinh năm 2017, gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 1.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2020 đến ngày 25/9/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị cáo kháng cáo, bị kháng nghị: Trần Thị TĐ, sinh ngày 09/6/2002; tại PT; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Khu 7, xã TH, huyện HH, tỉnh TP; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Trần Văn S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982; bị cáo có 01 con sinh năm 2018, gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 1.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2020 đến ngày 25/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị HY:** Luật sư Võ Đình Đức - Công ty Luật hợp doanh Đông Nam Á, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Hàm Long, xã TP, huyện YD, tỉnh BG.

2. Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà 20, ngách 32 phụ 19/46, phường HK, quận LC, thành phố HP.

3. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn CB, huyện CH, thành phố HP.

4. Chị Trần Tô Phương T, sinh năm 1971; địa chỉ: số 48/5, Lê Thị Hoa, phường BC, quận TĐ, thành phố HCM.

5. Chị Nguyễn Hồng P, sinh năm 1964; địa chỉ: 2/11, Ngự Nghiệp, phường TN, thành phố VT, tỉnh BR

6. Chị Nguyễn Thụy Thanh H, sinh năm 1977; địa chỉ: 453/12 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố HCM.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: số 86, tổ 3, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Nơi đăng ký HKTT: Tiểu khu 8, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh SL; nơi cư trú hiện nay: số 23D, ngõ 144, QN, NC, TX, HN.

2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ngọc Đặng, ĐT, GL, HN.

3. Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thuận Tôn, ĐT, GL, Hà Nội.

Tòa án không triệu tập các bị hại và người liên quan, người làm chứng đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thông qua mạng xã hội Facebook, Hg Thị HY thấy tài khoản “PH” do chị Phạm Thị H (sinh năm 1989, trú tại: số nhà 86, tổ 3, phường

TH, thành phố HB, tỉnh HB) là chủ tài khoản đang sử dụng hình thức bán hàng trực tuyến (*Livestream*) bán các mặt hàng tổng hợp. Do Y biết được cách thức mua bán và giao dịch bán hàng trực tuyến của chị H và cần tiền để chi tiêu, sử dụng cá nhân nên Y đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng thông qua các thông tin trên bán hàng trực tuyến của chị H.

Khoảng đầu tháng 8/2020, Hoàng Thị HY liên lạc với Trần Thị TĐ và nói với Đ về kế hoạch lừa đảo trên của mình, Đ đồng ý. Để chuẩn bị thực hiện hành vi lừa đảo, Đ mua một sim điện thoại 0347.121.915; Y dùng số điện thoại 0373.652.548; Sau đó, Hoàng Thị HY thuê tài khoản 0451000459581 do anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979, trú tại: Thị trấn MC, huyện MC, tỉnh SL là chủ tài khoản. Trần Thị TĐ thuê tài khoản 19031635982997 do anh Đặng Văn T, sinh năm 1978, trú tại: Ngọc Động, ĐT, GL, HN là chủ tài khoản (là các tài khoản mà Y và Đ sẽ đưa cho khách hàng yêu cầu họ chuyển tiền mua hàng).

Trong các ngày 19, 21/8/2020, Y và Đ dùng số điện thoại 034.121.915 gọi điện cho các bị hại là chị Nguyễn Thụy Thanh H yêu cầu chuyển tiền hàng 3.191.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng). Chị Đoàn Thị T chuyển số tiền 4.140.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Hồng P chuyển số tiền 1.045.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Các bị hại đã chuyển tiền vào tài khoản của anh Đặng Văn T theo yêu cầu của Đ. Tổng số tiền chiếm đoạt của 03 khách hàng là 8.376.000 đồng (Tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Sau khi các bị hại chuyển tiền đến số tài khoản của anh T thì Đ chặn tài khoản zalo, chặn các số gọi đến, tháo sim điện thoại để các bị hại không liên lạc được với mình đồng thời cũng không gửi hàng cho các bị hại. Sau đó, Đ đến gặp anh Đặng Văn T tại chợ B, xã ĐT, huyện GL, thành phố HN để rút tiền của khách hàng đã chuyển khoản trước đó, mỗi lần đến lấy tiền, Đ trả công cho anh T 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Sau chiếm đoạt số tiền của các bị hại, Đ giữ lại một nửa số tiền, số còn lại chuyển cho Y; số tiền chiếm đoạt được, các bị cáo dùng để chi tiêu cho cá nhân.

Ngoài ra, cũng với thủ đoạn trên, trong các ngày 22, 23/8/2020 Hoàng Thị HY đã dùng số điện thoại 0373.652.548 một mình thực hiện hành vi lừa đảo của các bị hại là chị Nguyễn Thị H chuyển số tiền 3.092.000đ (Ba triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng). Chị Phạm Thị N chuyển số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Chị Trần Tô Phương T chuyển số tiền 1.540.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) vào tài khoản của anh Nguyễn Văn H theo yêu cầu của Y. Tổng số tiền chiếm đoạt của 03 khách là 5.132.000 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng). Sau khi các bị hại chuyển tiền đến số tài khoản của anh H thì Y chặn tài khoản zalo, chặn các số gọi đến, tháo sim điện thoại để các bị hại không liên lạc được với mình, đồng thời cũng không gửi hàng cho các bị hại.

Sau đó, Y liên hệ với anh H, Y trả công 03 lần giao dịch cho anh H là 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng) và yêu cầu anh H chuyển lại cho Y số tiền 5.052.000đ (Năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) vào tài khoản của Y (tài khoản số 03101012956419 tại Ngân hàng Maritime Bank). Việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 3 khách hàng trên, Y không nói cho Đ biết, không chia tiền cho Đ mà chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HSST, ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HB đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị HY, Trần Thị TĐ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị HY 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị TĐ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 106, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 điện thoại Iphone 6s plus của Hoàng Thị HY và 01 điện thoại OPPO F11 của Trần Thị TĐ; Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim điện thoại số 0347.121.915 của bị cáo Đ và 02 thẻ sim điện thoại số 0373.652.548, 0868.353.146 của bị cáo Y; trả lại thẻ sim số 0867.411.186 cho bị cáo Y.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp cố ý vi phạm nghĩa vụ đối với người được hưởng án treo, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2021, bị cáo Hoàng Thị HY kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm cho hưởng án treo.

Ngày 05/5/2021, bị cáo Trần Thị TĐ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Thị HY, Trần Thị TĐ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 05/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB ra quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh HB sửa bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS - ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HB về phần tổ tụng và nội dung theo hướng như sau: Không xác định tư cách tham gia tổ tụng là nhân chứng trong vụ án đối với anh

Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H; không cho bị cáo Trần Thị TĐ được hưởng án treo và trả lại cho bị cáo Trần Thị TĐ sim điện thoại số: 0378.524.100.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HB giữ nguyên quyết định kháng nghị, qua đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, d Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị HY và Trần Thị TĐ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/ HS - ST của Tòa án nhân dân thành phố HB.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị HY trình bày: Bị cáo Y đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, quá trình xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, ngoài ra bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự có nhân thân tốt, gia đình có ông tham gia cách mạng được tặng thưởng huân huy chương đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB, tỉnh HB; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[1.2]. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB và kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HB về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hoàng Văn P và chị Nguyễn Thị H là người làm chứng là không chính xác. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh P, chị H đều khai không biết hành vi phạm tội của bị cáo Đ, chỉ đến khi bị cáo Đ bị bắt giữ, khởi tố mới biết. Căn cứ Điều 66 Bộ luật Tố tụng hình sự, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh P và chị H là người làm chứng là không đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thị HY và Trần Thị TĐ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, cụ thể: trong các ngày 19, 21/8/2020, Y và Đ đã giả danh tài khoản “PH” để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 8.376.000 đồng (Tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) của chị Nguyễn Thụy Thanh H, Đoàn Thị T, Nguyễn Hồng P. Ngoài ra, vào các ngày 22, 23/8/2020 Hoàng Thị HY một mình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.132.000đ (Năm triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị H, Phạm Thị N, Trần Tô Phương T. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân thành phố HB xét xử bị cáo Y, Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Thị HY, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên với vai trò và số tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án, Tòa án nhân dân thành phố HB xét xử bị cáo 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân thành phố HB về việc không cho bị cáo Đan được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo Đ có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì trường hợp của bị cáo Đ sẽ không được hưởng án treo, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo Đ hưởng án treo là không đúng. Do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố HB.

[2.4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, sau khi phạm tội đã tự nguyện đến cơ quan công an đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả. Tuổi đời còn trẻ (thời điểm phạm tội, bị cáo 18 tuổi 02 tháng). Bản thân bị cáo lại là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ, gia đình có công với cách mạng. Để thể hiện

chính sách khoan hồng của Nhà nước và cho bị cáo cơ hội làm lại cuộc đời. Cần chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.5]. Xét kháng nghị về việc xử lý vật chứng là chiếc sim điện thoại, Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định thẻ sim điện thoại số 0378.524.100 của bị cáo Đ không liên quan đến hành vi phạm tội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trả là không đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị HY phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thị TĐ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị HY, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS - ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HB về quyết định hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị HY.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB và kháng cáo của bị cáo Trần Thị TĐ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS - ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HB về phần quyết định hình sự đối với bị cáo Trần Thị TĐ và quyết định xử lý vật chứng.

Cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị HY, Trần Thị TĐ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị HY 12 (mười hai) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị TĐ 06 (sáu) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày đã tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị TĐ thẻ sim điện thoại số 0378.524.100.

(Vật chứng được niêm phong trong phong bì, có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HB).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Hoàng Thị HY phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thị TĐ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/10/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- VKSND TP HB;
- TAND TP HB;
- Chi cục THADS TP HB;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng